



## Hòa Thượng Quảng Khâm

Hòa-Thượng Quảng-Khâm sinh vào đời nhà Thanh, năm Quang-Tự thứ 18 (1892). Ngài họ Hoàng, tên tục là Văn-Lai, quê ở Phúc-kiến, Trung-Hoa.

Gia đình Ngài rất nghèo, đến độ anh ruột Ngài không có đủ tiền để cưới vợ. Năm Ngài bốn tuổi, vì không đủ sức nuôi dưỡng Ngài, cha mẹ Ngài phải đem Ngài bán làm con nuôi cho gia đình họ Lý ở Tấn-giang. Hai ông bà họ Lý là người rất tốt, cả đời sống bằng nghề trồng trọt. Họ thương yêu Ngài như con ruột vậy. Bà Lý là người tin Phật sâu xa, suốt đời trường trai. Bà thường đem Ngài lên chùa cầu nguyện bởi từ nhỏ Ngài thường bệnh hoạn, thân thể yếu ớt.

Năm Ngài chín tuổi, bà Lý qua đời; hai năm sau dưỡng phụ Ngài cũng nổi gót từ trần, khiến Ngài bỗng chốc trở thành cô nhi. Bấy giờ, bà con họ hàng ai nấy đều tranh dòm, chờ chực để chiếm đất đai ruộng vườn, tài sản của gia đình họ Lý để lại. Điều ấy khiến Ngài, một trẻ thơ, cảm nhận sâu xa mùi vị chua chát của thói đời và tánh vô thường của mọi sự. Trong đầu Ngài nảy sinh ý niệm thoát trần: Ngài đem hết của cải đất đai nhường lại cho bà con, rồi một mình tìm tới Chùa Thừa-Thiên ở Phúc-châu xin xuất gia.

Bấy giờ, phương trượng Chùa Thừa-Thiên là Hòa-Thượng Chuyển-Trần, dạy Ngài quy-y, tu Khổ-hạnh với Thầy Thụy-Phương. Ngài được phân phối cho việc lao tác, trồng rau, nhổ cỏ....; đây là những việc công quả tập sự dành cho người muốn xuất gia.

Đến năm 19 tuổi, do nhiều nhân duyên đặc biệt, Ngài đã qua Nam-Dương. Ở đây, vì không có trình độ học vấn nên Ngài phải làm việc lao động chân tay. Một hôm, nhân cùng đồng bạn lên núi đốn củi, Ngài nói với bạn về trực giác linh cảm của mình rằng chiếc xe vận tải chở củi sẽ lật ở dốc núi, nhưng không ai tin. Không lâu, chiếc xe quả nhiên bị lật thật. Điều này khiến bạn Ngài ngạc nhiên, bảo rằng: "Có được trực giác như vậy sao anh không chịu tu hành, phát triển tâm linh, sau này độ thế?" Nghe qua, Ngài như chợt tỉnh, liền đáp thuyên về lại Trung-Hoa. Bấy giờ Ngài đã 35 tuổi, sau gần 16 năm sống ở Nam-Dương.

Về lại Chùa Thừa-Thiên, Ngài chính thức xuống tóc, lạy Hòa-Thượng Thụy-Phương làm Thầy Pháp-danh của Ngài là Chiếu-Kính, tự Quảng-Khâm. Sau khi xuất gia, Ngài chuyên chú tu Khổ-hạnh, ăn những thức không ai thèm ăn, làm những việc không ai chịu làm, thường luôn ngồi Thiền, một lòng niệm Phật. Có một thời gian Ngài giữ trách nhiệm Hương-đăng (thắp nhang, quét tước điện Phật) và đánh bảng thức chuông mỗi sáng. Nhiều lần Ngài ngủ say quá nên trễ nãi việc đánh bảng. Điều này khiến Ngài vô cùng hổ thẹn, sám hối sâu xa trong lòng, rồi từ đó lập chí ngủ ngồi.

Năm 1933, sau sáu năm làm Sa-di tu Khổ-hạnh, bấy giờ Ngài mới đi cầu thọ giới Tỳ-khưu nơi Hoà-Thượng Diệu-Nghĩa, Chùa từ-Thọ, Phủ-điền. Thọ Giới rồi, Ngài liền xin phép Phương-Trượng Chuyển-Trần đi ẩn tu; lúc ấy Ngài vừa đúng 42 tuổi. Bấy giờ, một thân một mình, với ít áo quần và hơn 10 ký gạo. Ngài nhắm núi Thanh-lương, tỉnh Tuyên-châu, tiến bước. Nơi ấy, ở giữa sườn núi, Ngài tìm thấy một thạch động đủ rộng để an thân tu Đạo. Động này vốn là nơi mãnh hổ thường lui tới; thế nhưng khi gặp hổ, Ngài chẳng hãi sợ. Ngài bảo cho chúng biết ý định muốn dùng động này để tu hành và khuyên chúng hãy tìm nơi khác. Lạ thay, hổ như hiểu ý Ngài, rõ lời người. Ngài lại vì hổ mà thuyết Tam Quy-y; hổ nghe rồi vẫy đuôi đi mất. Không lâu sau, hổ ấy đem bày hổ lại: nào hổ mẹ, hổ con... đùa giỡn, gần gũi với Ngài như gia súc vậy. Bởi thế, sau này người dân quanh đấy gọi Ngài là Phục Hổ Hòa-Thượng.

Bấy giờ, Hòa-Thượng ở sơn động ngày ngày tọa Thiền, niệm Phật; chẳng bao lâu lương thực cạn sạch, Ngài bèn hái trái cây rừng để ăn. Trong núi, ngoài hổ còn có khỉ, vượn. Bọn ấy, lạ thay, thường hay đến động; chúng lại đem cả hoa quả cây trái lại cúng dường Ngài nữa!

Hòa-Thượng thường hay nhập Định. Có lần Ngài nhập Định đến vài tháng, không ăn uống, không động đậy thân thể; thậm chí hơi thở dường như dứt tuyệt. Có người gần đấy thấy vậy thì lầm tưởng rằng Ngài đã viên tịch, nên tức tốc cấp báo với Hòa-Thượng Chuyển-Trần để lo việc hỏa táng. May thay, lúc ấy có vị cao-tăng là Đại-Sư Hoằng-Nhất đang ở chùa gần đấy, nghe được tin trên bèn cùng Hòa-Thượng Chuyển-Trần lên núi xem hư thực. Tới nơi, Đại-Sư Hoằng-Nhất biết Ngài đang nhập Định, liền gõ ba tiếng khánh, đánh thức Ngài dậy từ trạng thái Thiền-định. Tin Ngài nhập Định lan truyền khắp nơi khiến ai ai cũng tán thán.

Tháng ngày qua như tên bắn, thối thoát Hòa-Thượng đã ở trên núi Thanh-lương được 13 năm. Bấy giờ Ngài, đã 54 tuổi (1945), trở về Chùa Thừa-Thiên. Hai năm sau, 1947, Ngài rời Đại-lục, đáp thuyền tới Đài-loan. Ở đây, bắt đầu quãng đời hoằng Pháp của Ngài:

- 1948, Ngài xây một ngôi chùa nhỏ ở Đài-bắc, tên là Quảng-Minh Tự.

- 1951, xây Quảng-Chiếu Tự.

- 1952, Ngài tìm thấy một thạch động ở núi Thành-phước rất đặc biệt: khi mặt trời và mặt trăng mới mọc thì ánh sáng chiếu thẳng vào cửa động. Bởi thế, Ngài đặt tên là Nhật-Nguyệt Động và quyết định ở đấy ẩn tu. Nơi ấy xưa nay vốn không có nước, song từ khi Ngài vào ở bỗng có một suối nước mát tự nhiên vọt lên kể bên. Trên đỉnh núi ấy, Ngài dựng một chòi tranh để ở. Một đêm nọ, có con trăn khổng lồ bò lại chòi tranh cầu Pháp; Ngài liền vì nó thuyết Pháp và truyền Tam Quy-y.

- 1955, tín đồ ở Đài-bắc cúng dường Ngài một cuộc đất do hỏa sơn tạo nên; Ngài bèn xây Thừa-Thiên Tự ở đó.

- 1963, Ngài hưng kiến Tường-Đức Tự; xây Quảng-Long Tự ở núi Long-tĩnh.

Đến năm 1964, Ngài đã ở Đài-loan được 17 năm. Trong suốt thời gian ấy, Ngài đã nhập định ba lần và mỗi lần lâu hơn cả tháng. Hằng ngày, Ngài chỉ ăn một bữa và chỉ ăn trái cây; Ngài không ăn đồ nấu nướng hay chiên xào gì cả. Vì vậy, tín đồ gọi Ngài là Thủy-Quả Hòa-thượng - Ông Thầy Ăn Trái Cây - Trừ khi trời mưa, thường thì mỗi đêm Ngài đều ngồi tọa Thiền cho tới sáng ở ngoài vườn hay trong rừng, chứ không ngủ trong phòng như kẻ khác. Đây là những công hạnh đặc biệt của Ngài.

Năm Ngài 80 tuổi, có lần Ngài biểu thị cho Đại-chúng biết ý định "Xả Báo" - nhập Định - của Ngài. Lúc ấy các đệ tử vô cùng khẩn thiết, cầu xin Ngài tiếp

tục từ bi trụ thế. Bảy giờ Ngài vì tùy thuận chúng sanh nên trì hoãn việc nhập Định, tiếp tục công cuộc độ sinh. Từ ấy Ngài đi Nam-đầu, Đài-trung, Gia-nghĩa, Hoa-liên, v.v... hoằng Pháp độ chúng.

Đến năm 84 tuổi, Ngài bắt đầu cảm túc, ở luôn tại chùa Thừa-Thiên trên núi Thanh-lương không còn xuống núi nữa. Công cuộc xây chùa vẫn tiếp tục, song do các đại đệ tử của Ngài chủ động: trùng tu Chùa Thừa-Thiên, xây Quảng-Thừa Nham (1974), Diệu-Thông Tự (1982).

Năm Ngài 94 tuổi (1985), Ngài chủ trì Tam Đàn Đại Giới, truyền giới cho hơn 2.500 vị Tăng, Ni và cư sĩ; tạo thành một Pháp-Hội trang nghiêm vĩ đại nhất ở Đài-loan lúc bấy giờ.

Bảy giờ tuy đã gần kề trăm tuổi, Ngài vẫn sống rất đơn giản, đạm bạc; lời nói của Ngài bình dị, khiêm nhường; bước đi của Ngài vẫn vững chãi, không cần dùng tới gậy chống, không nhờ người đỡ tay. Nếu ai gặp Ngài lúc ấy sẽ thấy thân Ngài vô cùng nhẹ nhàng, linh hoạt; động tác thanh thoát. Ngài vẫn y nhiên ngủ ngồi, không nằm; và vẫn ngồi ngoài vườn lộ thiên tỉnh tọa mỗi đêm. Bảy giờ thức ăn trái cây của Ngài phải được nghiền thành chất lỏng để dễ ăn.

Cuối năm 1985, Ngài trở về Chùa Thừa-Thiên. Ngài thị hiện có bệnh; cự tuyệt mọi thứ ẩm thực, thuốc men; cũng không tiếp kiến tín đồ.

Ngày Tết Nguyên-đán năm ấy, 1986, Ngài triệu tập tất cả đệ tử ở các chùa và tu viện khắp nơi lại để phú chúc, phân phối hậu sự. Ngài chỉ bảo việc hỏa táng, phân chia linh cốt tại Thừa-Thiên Tự, Quảng-Thừa Nham, và Diệu-Thông Tự, đồng thời trả lời mọi nghi vấn của tín chúng.

Sáng ấy, sau giờ thọ trai, Ngài quyết định xuống Diệu-Thông Tự ở Cao-hùng.

Hôm sau, mồng hai Tết, khí lực của Ngài vô cùng suy nhược.

Mồng ba Tết, thể lực của Ngài bình phục. Ngài cùng đại chúng lên điện niệm Phật. Ngài lại nói chuyện một cách thông dong tự tại với các tín đồ đệ tử; tinh thần vô cùng sáng suốt và lạc quan như không có chuyện gì xảy ra.

Sáng mồng bốn Tết, Ngài gọi tất cả đệ tử cùng Ngài ra bên ngoài điện đón nắng. Ngài nói với một đệ tử, Thầy Truyền-Văn, rằng: "Người được rồi đấy; song bọn họ - đại chúng - còn chưa xong đâu!"

Mồng năm Tết (ngày 13 tháng 2 năm 1986), Ngài ngồi xếp bằng yên định, tinh thần hòa hoãn, chẳng chút xao động; rồi dạy các đệ tử đồng thanh niệm Phật.

Vào hai giờ chiều hôm ấy, Ngài bảo đại-chúng: "Vô lai vô khứ, một hữu sự!" (chẳng đến chẳng đi, chẳng việc gì); rồi nhìn đại-chúng gật đầu, mỉm cười. Không lâu sau, đại chúng thấy Ngài ngồi yên bất động liền đến bên quan sát kỹ, mới hay Ngài đã an nhiên theo tiếng niệm Phật, viên tịch rồi.

Nhìn lại cả đời Ngài, xuất thân tuy nghèo khổ song bản tánh tự an, ngay thật, bình dị; đến khi xuất gia, Ngài thật sự buông bỏ vạn sự, chân thành ẩn tu, thực hành đủ thứ khổ-hạnh gian khó. Bởi nhân địa chân thật như vậy, nên kết quả là cảm ứng bất khả tư nghị - sau khi xuống núi, tới Đài-loan hoằng dương Phật Pháp, Ngài đã tiếp độ không biết bao nhiêu chúng sanh, từ người đến thú, từ dương giới đến âm giới, từ hữu tình đến vô tình... Và, nhất là sự viên-tịch vô cùng tự do tự tại của Ngài - một minh chứng hùng hồn nhất về sự diệu kỳ của Phật Pháp, cũng như về khả năng thành tựu sự giải thoát, đạt Đạo của những bậc chân tu, thật hành.

Thầm nguyện Hòa-Thượng sẽ không xả bỏ đại nguyện, tiếp tục chèo thuyền từ bi trở lại cõi này để không ngừng đưa lớp lớp chúng sanh tới bờ bên kia, đến nơi an ổn, vô úy, vô ưu não!